

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BÌNH LIÊU
TỈNH QUẢNG NINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 02/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 04/5/2021

“V/v Tranh chấp về Hôn nhân
và gia đình”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÌNH LIÊU – TỈNH QUẢNG NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Hoàng Thị Hải.

Các Hội thẩm nhân dân: - Bà Trần Thị Hương.

- Ông Trần A Tám.

- Thư ký phiên tòa: Ông Lục Văn Biên, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bình Liêu, tỉnh Quảng Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Liêu, tỉnh Quảng Ninh tham gia phiên tòa: Ông Lê Quang Phúc - Kiểm sát viên.

Ngày 04 tháng 5 năm 2021 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bình Liêu xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 25/2020/TLST-HNGĐ ngày 27 tháng 11 năm 2020 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn”. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 02/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 17 tháng 3 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 02/2021/QĐST-HNGĐ ngày 07/4/2021 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Chu Móc T, sinh năm 1995.

Nơi ĐKNKTT: Thôn N, xã L, huyện B, tỉnh Quảng Ninh.

Chỗ ở hiện nay: Thôn P, xã H, huyện B, tỉnh Quảng Ninh.

Có mặt tại phiên tòa

Bị đơn: Anh Dương Văn S, sinh năm 1992.

Nơi cư trú: Thôn N, xã L, huyện B, tỉnh Quảng Ninh.

Vắng mặt tại phiên tòa

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 20/11/2020, bản tự khai và lời khai tại phiên tòa, nguyên đơn chị Chu Móc T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Dương Văn S kết hôn ngày 14/3/2013 tại Ủy ban nhân dân xã L, huyện B, tỉnh Quảng Ninh; Chị T và anh S kết hôn trên

cơ sở tự nguyện, có thời gian tìm hiểu nhau khoảng một năm. Sau khi kết hôn vợ chồng về sống cùng bố mẹ chồng, đến năm 2015 gia đình xây nhà trên đất của bố mẹ chồng để ra ở riêng tại Thôn N, xã L, huyện B. Cuộc sống chung của vợ chồng hạnh phúc đến năm 2018 thì phát sinh mâu thuẫn; nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng không hòa hợp về tính cách, anh S không chịu làm ăn, vun vén cho gia đình, hay ghen tuông dẫn đến vợ chồng thường xuyên cãi chửi, đánh nhau. Năm 2018, chị đã về sống cùng bố mẹ đẻ tại Thôn P, xã H, huyện B từ đó cho đến nay, trong thời gian sống ly thân vợ chồng chị không còn quan tâm đến nhau bỏ mặc nhau ai muốn sống thế nào thì sống. Nay chị xác định không còn tình cảm yêu thương anh S, cuộc sống chung của vợ chồng không thể tiếp tục kéo dài được, mục đích hôn nhân không đạt được. Chị T đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Dương Văn S.

Về con chung: Chị T và anh S có 02 (hai) con chung là Dương Thị N, sinh ngày 18/7/2013 và Dương Minh Q, sinh ngày 28/01/2017. Trong thời gian vợ chồng sống ly thân, các con chung ở với anh S. Khi ly hôn, chị T có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng chăm sóc hai con chung đến khi đủ 18 tuổi và không yêu cầu anh S phải cấp dưỡng cho các con chung.

Về tài sản chung: Chị Chu Móc T và anh Dương Văn S tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về công nợ chung: Chị Chu Móc T và anh Dương Văn S không vay mượn cá nhân, tổ chức nào nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh Dương Văn S trong quá trình giải quyết vụ án đã được triệu tập hợp lệ, vắng mặt tại phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải lần đầu, có mặt tại phiên họp tiếp theo: Tại biên bản lấy lời khai có trong hồ sơ anh trình bày: Quá trình kết hôn và sống chung của vợ chồng như chị Chu Móc T khai là đúng. Nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn chủ yếu do chị T thường xuyên đi làm ăn xa và có quan hệ ngoại tình với người đàn ông khác (anh không nắm rõ được là chị T có quan hệ cụ thể với ai), chị T không quan tâm đến gia đình cũng như tình cảm vợ chồng, dẫn đến vợ chồng thường xuyên cãi chửi, đánh nhau, bất đồng về quan điểm sống, vợ chồng không tìm được tiếng nói chung. Mâu thuẫn trên đã được đôi bên gia đình khuyên bảo nhưng không có kết quả. Đến nay anh thấy mâu thuẫn giữa anh và chị T không thể hàn gắn được, mặt khác chị T có đơn xin ly hôn nên anh đồng ý ly hôn với chị Chu Móc T.

Về con chung: Đúng như lời trình bày của chị T, Nguyên vọng của anh sau khi ly hôn anh xin nuôi dưỡng, chăm sóc cả 02 (hai) con chung là Dương Thị N, sinh ngày 18/7/2013 và Dương Minh Q, sinh ngày 28/01/2017 đến khi đủ 18 tuổi và yêu cầu chị T phải cấp dưỡng cho con chung là 500.000 đồng/1tháng/1con, thời gian cấp dưỡng kể từ tháng 4/2021 cho đến khi các con đủ 18 tuổi.

Về tài sản chung: Chị Chu Móc T và anh Dương Văn S tự thỏa thuận, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về công nợ chung: Chị Chu Móc T và anh Dương Văn S không vay mượn cá nhân, tổ chức nào nên không đề cập giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Liêu tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

- Về thủ tục tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký đã thực hiện đúng các thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn đã thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn vắng mặt trong quá trình giải quyết vụ án mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần và không thực hiện được quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định tại Điều 70, Điều 72 của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung: Căn cứ các tài liệu chứng cứ trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa; Căn cứ Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình, xét thấy có đủ cơ sở chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn và yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng các con chung của chị Chu Móc T, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét, quyết định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về pháp luật tố tụng: bị đơn anh Dương Văn S có địa chỉ nơi cư trú tại: Thôn N, xã L, huyện B, tỉnh Quảng Ninh, nên yêu cầu xin ly hôn của chị T thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Bình Liêu theo quy định tại khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự. Anh Dương Văn S đã được Tòa án triệu tập hợp lệ mà vẫn vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không có lý do nên căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Quan hệ hôn nhân giữa chị Chu Móc T và anh Dương Văn S được cơ quan có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận đăng ký kết hôn vào năm 2013 tại Ủy ban nhân dân xã L, huyện B, tỉnh Quảng Ninh nên hôn nhân giữa chị T và anh S. Là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật bảo vệ. Sau khi kết hôn vợ chồng anh chị về sống chung cùng bố mẹ chồng tại Thôn N, xã L, huyện B. Đến năm 2015 thì vợ chồng chị xây nhà trên đất của bố mẹ chồng để ra ở riêng. Cuộc sống chung của vợ chồng hạnh phúc đến khoảng đầu năm 2017 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do chị T thường xuyên đi làm ăn xa, anh S nghi ngờ chị T có quan hệ ngoại tình với người đàn ông khác, không quan tâm đến gia đình từ đó bất đồng về tiếng nói chung, về quan điểm sống, dẫn đến thường xuyên cãi chửi, đánh nhau. Mâu thuẫn trên đã được đôi bên gia đình khuyên bảo nhưng không có kết quả, năm 2018 chị về bên gia đình ngoại ở, và sống ly thân với anh S từ đó cho đến nay không ai quan tâm đến ai. Đến nay chị xác định không còn tình cảm với anh S, chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị ly hôn với anh Dương Văn S để chị ổn định cuộc sống.

Hội đồng xét xử xét thấy, nguyên nhân dẫn đến mâu thuẫn vợ chồng theo chị T trình bày cùng với nội dung xác minh tại tổ dân khu phố xác định tình trạng mâu thuẫn giữa vợ chồng chị và anh S đã kéo dài, chị T và anh S đã sống ly thân từ năm 2018 đến nay không ai quan tâm đến ai. Đối chiếu với quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử thấy tình trạng hôn nhân giữa chị T và anh S mâu thuẫn đã thực sự trầm trọng, đời sống chung không còn tồn tại, mục đích hôn nhân không đạt được, nên yêu cầu giải quyết ly hôn của chị T với anh S là có căn cứ được chấp nhận.

[4] Về con chung: Chị T và anh S có 02 (hai) con chung là Dương Thị N, sinh ngày 18/7/2013 và Dương Minh Q, sinh ngày 28/01/2017. Chị T và anh S đã thỏa thuận thống nhất, khi ly hôn anh S có trách nhiệm nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung cho đến khi đủ 18 tuổi, chị T cấp dưỡng cho con chung là 500.000 đồng/1tháng/1con, thời gian kể từ tháng 4/2021 cho đến khi hai con chung đủ 18 tuổi. Tại phiên tòa chị T thay đổi sự thỏa thuận và xin yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục hai con chung đến khi đủ 18 tuổi và không yêu cầu anh S phải cấp dưỡng cho các con chung và có quyền, nghĩa vụ thăm nom các con chung không ai được cản trở.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành xác minh tại tổ dân khu phố về phần con đề nghị giải quyết theo qui định của pháp luật hoặc theo ý kiến của hai bên để đảm bảo nuôi dưỡng 2 con chung được tốt. và Tòa án đã tiến hành ghi lời khai của cháu Dương Thị N, cháu N có ý kiến nếu bố mẹ ly hôn, cháu N có nguyện vọng được ở với bố. Tuy nhiên, để đảm bảo hơn cho sự phát triển về tâm lý cũng như sinh lý về giới và lứa tuổi, đồng thời xét đến thu nhập và khả năng chăm sóc của chị T đảm bảo hơn, do đó nên giao cháu N và cháu Quân cho chị T chăm sóc, nuôi dưỡng đến khi các cháu đủ 18 tuổi là phù hợp.

Hội đồng xét xử xét thấy việc giao con chung cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục hai con chung, anh S không phải cấp dưỡng cho các con, hoàn toàn phù hợp với quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 69; khoản 1, khoản 3 Điều 70; khoản 1, khoản 3 Điều 81; khoản 1, khoản 3 Điều 82; Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[5] Về tài sản chung: Chị Chu Móc T và anh Dương Văn S tự thỏa thuận, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết

Về công nợ chung: Chị Chu Móc T và anh Dương Văn S không vay mượn cá nhân, tổ chức nào nên không đề cập giải quyết.

[6] Về án phí: Chị Chu Móc T là người đồng bào dân tộc thiểu số ở các xã có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn, chị còn thuộc diện hộ nghèo theo quy định của pháp luật thì chị được miễn nộp tiền án phí. Nhưng chị xin để chị tự nguyện nộp án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ; Khoản 1 Điều 28; Điểm a khoản 1 Điều 35; Điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; Điều 228; Điều 271; Khoản 1 điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Căn cứ khoản 1 điều 51; Khoản 1 Điều 56; Điều 81; Điều 82 và Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của chị Chu Móc T.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Chu Móc T được ly hôn với anh Dương Văn S.

2. Về con chung: Giao các con chung là Dương Thị N, sinh ngày 18/7/2013 và Dương Minh Q, sinh ngày 28/01/2017 cho chị T có trách nhiệm nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung cho đến khi con chung đủ 18 tuổi. anh S không phải cấp dưỡng cho các con chung và có quyền, nghĩa vụ thăm nom các con chung không ai được cản trở.

3. Về án phí: Chị Chu Móc T tự nguyện chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm mà chị đã nộp là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng số: 0003815 ngày 27 tháng 11 năm 2020 của Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Bình Liêu, chị T đã nộp đủ án phí ly hôn sơ thẩm.

Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn chị Chu Móc T có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn anh Dương Văn S vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết./.

Nơi nhận:

- Các đương sự.
- Chi cục THADS huyện Bình Liêu.
- TAND tỉnh Quảng Ninh.
- VKSND huyện Bình Liêu.
- UBND xã L, huyện B.
- Lưu hồ sơ, VP.

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Hoàng Thị Hải